

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 19/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Xuân.

Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Nhường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

- Bị cáo: Nguyễn Thị Lệ T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01/01/1988.

Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không có; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Huy T1, sinh năm 1963 (C) và bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1967 (S); Chồng: Nguyễn Thái N, sinh năm 1984; Con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017); A, chị em ruột: có 02 người (lớn nhất là bị cáo sinh năm 1988; nhỏ nhất sinh năm 1990); Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/7/2025 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1/ Bà Thạch Thị Ngọc Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà Trần Lệ T2, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.
 4/ Bà Trương Hồng Q1, sinh năm 1987 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.
 5/ Ông Thái Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.
 6/ Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1981 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.
 7/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ.
 8/ Bà Trần Thị X, sinh năm 1966 (có mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 9/ Bà Ngô Thị Lệ T3, sinh năm 1984 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.
 10/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 1/ Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1971 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 2/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1975 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 3/ Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1983 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 4/ Bà Nguyễn Hồng N3, sinh năm 1969 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 5/ Bà Tiêu Thị T5, sinh năm 1960 (có mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 6/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.
 7/ Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1955 (có mặt)
 Nơi thường trú: ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ.
 8/ Bà Nguyễn Thị Hạnh K, sinh năm 1980 (có mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 9/ Bà Trần Thanh L1, sinh năm 1962 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 10/ Bà Trần Thị Hồng T6, sinh năm 1989 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 11/ Bà Nguyễn Kim T14, sinh năm 1994 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp Đ, xã G, thành phố Cần Thơ.
 12/ Bà Lý Thị B, sinh năm 1987 (vắng mặt)
 Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
 13/ Bà Ngô Thị M1, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ.
14/ Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ.
15/ Bà Lê Thị Cẩm L2, sinh năm 1967 (có mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
16/ Ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1984 (có mặt)
Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.
17/ Bà Nguyễn Thị Diễm M2, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
18/ Bà Lê Thị P2, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
19/ Bà Dương Thị Mỹ N5, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp P, xã G, thành phố Cần Thơ.
20/ Bà Phan Thị T7, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
21/ Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ.
22/ Bà Lê Bích T8, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
23/ Ông (bà) Giang Phương T9, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.
24/ Bà Nguyễn Thị Lệ T10, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.
25/ Bà Nguyễn Thị Kim N6, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.
26/ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp B, xã G, thành phố Cần Thơ.
27/ Bà Nguyễn Thúy L3, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Nơi thường trú: ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T có quen biết nhiều người dân tại địa phương và được họ tin tưởng nên bị cáo rủ họ cùng tham gia hội do bị cáo tổ chức với hình thức: Hội tháng (một tháng mở hội (khui hội) một lần), với số tiền là 1.000.000 đồng/01 phần và hội nửa tháng (nửa tháng mở một lần), với số tiền là 500.000 đồng/01 phần. Khi ai tham gia đây hội thì bị cáo sẽ ghi danh sách và phô tô danh sách cho những thành viên biết. Sau khi mở hội thì bị cáo là người trực tiếp đi gom tiền hội của những người thành viên và giao lại cho người được lĩnh hội (hốt hội), kể từ kỳ mở hội, bị cáo được hưởng hoa hồng $\frac{1}{2}$ của 01 phần hội (nếu hội 1.000.000 đồng thì khi mở hội bị cáo sẽ hưởng hoa hồng là 500.000 đồng), việc chi trả tiền hội cho thành viên (hội viên) được bị cáo ghi

vào cuốn tập học sinh để theo dõi. Thời gian đầu bị cáo thực hiện việc chi trả tiền hội đầy đủ, tạo được sự tin tưởng của thành viên tham gia.

Từ khoảng năm 2021 đến tháng 03 năm 2023al, bị cáo có lập 03 dây hội gồm: Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 09/3/2021al (nhằm ngày 20/4/2021dl); Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/8/2021al (nhằm ngày 15/9/2021dl) và D hội nửa tháng 500.000 đồng mở ngày 01/02/2022al (nhằm ngày 03/3/2022dl). Trong các dây hội này, đến kỳ mở hội lợi dụng việc các thành viên vắng mặt nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền hội của các thành viên bằng thủ đoạn gian dối là tự ý lấy tên thành viên kêu hội và lĩnh hội của các thành viên tham gia trong dây hội nhằm chiếm đoạt tiền của thành viên, cụ thể:

1/ Dây hội 1: Hội tháng 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 09/3/2021al (nhằm ngày 20/4/2021dl) có 22 thành viên, với 31 phần hội, được bị cáo ghi giấy danh sách các thành viên gồm: Mi (Nguyễn Thị Diễm M2), Di P (Lê Thị P2), M (Dương Thị Mỹ N5), Nguyễn Thị Lê T, chủ hội (bị cáo), Vợ T11 (Trần Thị Hồng T6) 02 phần hội, Vợ C (Lý Thị B), Vợ V1 (Phạm Thị P1), C (Phan Thị T7), Q2 (Thạch Thị Ngọc Q) 04 phần hội, 3 Cân và thêm 3 Cân (là một người, Trần Lê T2) 02 phần hội, T12 (Võ Thị Ngọc T12), Chế X2 (Nguyễn Thị X1), N7 (Lê Bích T8, vợ H1), T9 (Giang Phương T9), 6 Bằng (Nguyễn Thị Lê T10) 02 phần hội, C (Huỳnh Thị N2) 02 phần hội, T13 (Lê Thị Cẩm L2, nhưng ghi tên T13 là em ruột), 5 H (Nguyễn Thị Kim N6), Cô 7 V (Nguyễn Thị V), vợ L4 (Nguyễn Thị Kim T14) 02 phần hội, N8 (Nguyễn Thị M), T4 (Nguyễn Thị T4).

Dây hội này mở hội được 25 lần từ ngày 09/3/2021al đến ngày 09/3/2023al (nhằm từ ngày 20/4/2021dl đến ngày 28/4/2023dl). Trong đó, bị cáo đã ý tự lấy tên thành viên “Quý” lĩnh hội lần thứ 13, 17 và lấy tên “3 Cân” lĩnh hội lần thứ 18, cụ thể:

- Tại lần mở hội thứ 13 ngày 09/3/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Quý” (Thạch Thị Ngọc Q) mở hội số tiền 430.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 22.830.000 đồng (12 phần hội chết: 12.000.000 đồng và 19 phần hội sống x 570.000 đồng = 10.830.000 đồng), trừ 01 phần hội sống của bị cáo 570.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt phần hội được số tiền là: 22.830.000 đồng - 570.000 đồng = 22.260.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho Q và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại lần mở hội thứ 17 ngày 09/7/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Quý” (Thạch Thị Ngọc Q) mở hội số tiền 430.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 24.120.000 đồng (15 phần hội chết: 15.000.000 đồng và 16 phần hội sống x 570.000 đồng = 9.120.000 đồng), trừ 01 phần hội sống của bị cáo 570.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt phần hội được số tiền là 24.120.000 đồng – 570.000 đồng = 23.550.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho Q và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại lần mở hội thứ 18 ngày 09/8/2022al, bị cáo tự ý lấy tên của thành viên “3 Cân” (Trần Lê T2) mở hội số tiền 500.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 24.000.000

đồng (15 phần hội chết: 15.000.000 đồng và 16 phần hội sống x 500.000 đồng = 8.000.000 đồng), trừ 01 phần hội sống của bị cáo 500.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 30 phần được số tiền là: 23.000.000 đồng - 500.000 đồng = 22.500.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà Trần Lệ T2 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, dây hội này bị cáo tự mạo danh thành viên lĩnh 03 lần được 90 phần hội với tổng số tiền chiếm đoạt là 68.310.000 đồng. Khi ngưng hội ngày 20/3/2023al thì còn 09 phần hội sống, gồm 06 thành viên là: Phạm Thị P1: 01 phần, Nguyễn Thị T4: 01 phần, Thạch Thị Ngọc Q: 03 phần, Trần Thị Hồng T6: 01 phần, Trần Lệ T2: 02 phần, Huỳnh Thị N2: 01 phần.

2/ Dây hội 2: Hội tháng 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/8/2021al (nhằm ngày 15/9/2021dl) có 20 thành viên với 27 phần hội, được bị cáo ghi giấy danh sách các thành viên gồm: N10 (Nguyễn Thị M), Thiểm 3 cân (Trần Lệ T2) 02 phần hội, Mẹ (Lê Thị Cẩm L2), T15 (không rõ họ tên, biết nhà ở Đ), Vợ C (Nguyễn Thúy L3), 2 Văn (Nguyễn Thị N1) 02 phần hội, A (Thái Văn H) 02 phần hội, Nguyễn Thị Lê T chủ hội (bị cáo), C (Phan Thị T7) 02 phần hội, C (Nguyễn Văn C), Chế X2 (Nguyễn Thị X1), Vợ T11 (Trần Thị Hồng T6), M3 (Nguyễn Thị Diễm M2), Dì P (Lê Thị P2), vợ L4 (Nguyễn Thị Kim T14) 03 phần hội, 3 Lâm (Nguyễn Hồng N3) 02 phần hội, Vợ Vồng (Phạm Thị P1), Q3 (Tiêu Thị T5), Chế Q4 (Trương Hồng Q1), Vợ H1 (Lê Bích T8).

Dây hội này mở được 20 lần từ ngày 20/8/2021al đến ngày 20/3/2023al (nhằm từ ngày 15/9/2021dl đến ngày 09/5/2023dl). Trong số 20 lần mở hội thì bị cáo đã ý tứ lấy tên thành viên để lĩnh hội 05 lần (của: Chú 3, chế Q1, Thiểm 3 cân, Anh H2, 2 Văn), cụ thể:

- Tại lần mở hội thứ 10 ngày 20/5/2022 al, bị cáo lấy tên thành viên “Chú 3” là Nguyễn Văn C mở hội số tiền 390.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 19.980.000 đồng (09 phần hội chết: 9.000.000 đồng và 18 phần hội sống x 610.000 đồng = 10.980.000 đồng), trừ 01 phần hội sống của bị cáo là 610.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 26 phần hội được số tiền là: 19.980.000 đồng - 610.000 đồng = 19.370.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho ông C và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại lần mở hội thứ 14 ngày 20/9/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Chế Quyên” là Trương Hồng Q1 mở hội số tiền 470.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 19.950.000 đồng (12 phần hội chết: 12.000.000 đồng và 15 phần hội sống x 530.000 = 7.950.000 đồng), trừ 01 phần hội chết của bị cáo là 1.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 26 phần hội được số tiền là: 19.950.000 đồng - 1.000.000 đồng = 18.950.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà Q1 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại lần mở hội thứ 16 ngày 20/11/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Thiểm 3 Cân” là Trần Thị T16 mở hội số tiền 390.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 21.540.000

đồng (13 phần hội chết: 13.000.000 đồng và 14 phần hội sống x 610.000 = 8.540.000 đồng), trừ 01 phần hội chết của bị cáo là 1.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 26 phần hội được số tiền là: 21.540.000 đồng - 1.000.000 đồng = 20.540.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà T16 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại lần mở hội thứ 18 ngày 20/01/2023al, bị cáo lấy tên thành viên “Anh H2” là Thái Văn H mở hội số tiền 500.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 20.500.000 đồng (14 phần hội chết: 14.000.000 đồng và 13 phần hội sống x 500.000 đồng = 6.500.000 đồng), trừ 01 phần hội chết của bị cáo là 1.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 26 phần hội được số tiền là: 20.500.000 đồng – 1.000.000 đồng = 19.500.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho anh H và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại lần mở hội thứ 19 ngày 20/02/2023al, bị cáo lấy tên thành viên “2 V2” là Nguyễn Thị N1 mở hội số tiền 480.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 20.760.000 đồng (14 phần hội chết: 14.000.000 đồng và 13 phần hội sống x 520.000 đồng = 6.760.000 đồng), trừ 01 phần hội chết của bị cáo là 1.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 26 phần hội được số tiền là: 20.760.000 đồng - 1.000.000 đồng = 19.760.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà N1 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, dây hội này bị cáo tự mạo danh thành viên lĩnh 05 lần được 130 phần hội với tổng số tiền chiếm đoạt là 98.120.000 đồng. Khi ngưng hội ngày 20/3/2023al thì còn 12 phần hội sống, gồm 10 thành viên: Chú 3 (Nguyễn Văn C) 01 phần hội, Ché Quyên (Trương Hồng Q1) 01 phần hội, Thiểm 3 Cân (Trần Lệ T2) 02 phần hội, A (Thái Văn H) 02 phần hội, 2 Văn (Nguyễn Thị N1) 01 phần hội, Vợ Lục (Nguyễn Thị Kim T14) 01 phần hội, 3 Lâm (Nguyễn Hồng N3) 01 phần hội, Vợ Vồng (Phạm Thị P1) 01 phần hội, Q3 (Tiêu Thị T5) 01 phần hội và N8 (Nguyễn Thị M) 01 phần hội.

3/ Dây hội 3: Hội nửa tháng 500.000 đồng mở ngày 01/02/2022al (nhằm ngày 03/3/2022dl) có 25 thành viên với 46 phần hội, được bị cáo ghi giấy danh sách các thành viên gồm: Vợ T11 (Trần Thị Hồng T6) 03 phần hội, V (Nguyễn Thúy L3), Vợ C (Lý Thị B) 02 phần hội, Dì P (Lê Thị P2) 02 phần hội, M3 (Nguyễn Thị Diễm M2) 02 phần hội, C (Nguyễn Ngọc G) 02 phần hội, Ché X2 (Nguyễn Thị X1) 02 phần hội, C (Nguyễn Thị C1) 02 phần hội, Mợ B (Ngô Thị M1), D (Nguyễn Thị N4), Cô P (Nguyễn Thị P) 02 phần hội, Mẹ (Lê Thị Cẩm L2), Vợ H1 (Lê Bích T8) 02 phần hội, bị cáo (Nguyễn Thị Lệ T chủ hội) 02 phần hội, Ché Nhiên (Dương Thị Mỹ N5) 03 phần hội, K (Nguyễn Thị Hạnh K) 05 phần hội, Q3 (Tiêu Thị T5) 02 phần hội, A (Thái Văn H), Cô L1 (Trần Thanh L1), 8 Sương (Trần Thị X), Chị 5 H3 (Nguyễn Thị Kim N6), 2 Văn (Nguyễn Thị N1) 02 phần hội, Chị K1 (tức là vợ K2, Ngô Thị lệ T3) 02 phần hội và C (Phan Thị T7).

Dây hội này mở được 28 lần từ ngày 01/02/2022al đến ngày 15/3/2023al (nhằm từ ngày 03/3/2022dl đến ngày 04/5/2023dl). Trong số 28 lần mở hội thì bị cáo đã ý tự

lấy tên thành viên để lĩnh hội là 07 lần (của: Cô P: 01 lần, Vợ K2: 02 lần, Ché Giàu 02 lần, 8 Sương: 01 lần và 2 Văn: 01 lần), cụ thể:

- Tại kỳ thứ 4 ngày 05/3/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Cô P” là Nguyễn Thị P mở hội số tiền 210.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 13.970.000 đồng (03 phần hội chết: 1.500.000 đồng và 43 phần hội sống $\times$ 290.000 = 12.470.000 đồng), trừ 02 phần hội sống của bị cáo là 580.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hội được số tiền là: 13.970.000 đồng – 580.000 đồng = 13.390.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà P và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại kỳ thứ 19 ngày 01/11/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Ché Giàu” là Nguyễn Ngọc G mở hội số tiền 210.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 16.910.000 đồng (17 phần hội chết: 8.500.000 đồng và 29 phần hội sống $\times$ 290.000 đồng = 8.410.000 đồng), trừ 02 phần hội chết và 01 phần hội sống của bị cáo là 790.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hội được số tiền là: 16.910.000 đồng – 790.000 đồng = 16.120.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà G và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại kỳ thứ 20 ngày 15/11/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Vợ K2” là Ngô Thị Lệ T3 mở hội số tiền 230.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 16.330.000 đồng (17 phần hội chết: 8.500.000 đồng và 29 phần hội sống $\times$ 270.000 đồng = 7.830.000 đồng), trừ 01 phần hội chết và 01 phần hội sống của bị cáo là 770.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hội được số tiền là: 16.330.000 đồng – 770.000 đồng = 15.560.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà T3 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại kỳ thứ 22 ngày 15/12/2022al, bị cáo lấy tên thành viên “Ché Giàu” là Nguyễn Ngọc G mở hội số tiền 220.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 16.840.000 đồng (18 phần hội chết: 9.000.000 đồng và 28 phần hội sống $\times$ 280.000 đồng = 7.840.000 đồng), trừ 01 phần hội chết và 01 phần hội sống của bị cáo là 780.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hội được số tiền là: 16.840.000 đồng – 780.000 đồng = 16.060.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà G và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại kỳ thứ 23 ngày 01/01/2023al, bị cáo bị cáo lấy tên thành viên “Vợ K2” là Ngô Thị Lệ T3 mở hội số tiền 250.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 16.000.000 đồng (18 phần hội chết: 9.000.000 đồng và 28 phần hội sống $\times$ 250.000 = 7.000.000 đồng), trừ 01 phần hội chết và 01 phần hội sống của bị cáo là 750.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hội được số tiền là: 16.000.000 đồng – 750.000 đồng = 15.250.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hội cho bà T3 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hội này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hội sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại kỳ thứ 25 ngày 01/02/2023al, bị cáo lấy tên thành viên “8 Sương” là Trần

Thị X mở hụi số tiền 270.000 đồng và lĩnh hụi được số tiền 15.710.000 đồng (19 phần hụi chết: 9.500.000 đồng và 27 phần hụi sống x 230.000 đồng = 6.210.000 đồng), trừ 01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống của bị cáo là 730.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hụi được số tiền là: 15.710.000 đồng – 730.000 đồng = 14.980.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hụi cho bà X và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hụi này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hụi sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tại kỳ thứ 27 ngày 01/03/2023a1, bị cáo lấy tên thành viên “2 Văn” Nguyễn Thị N1 mở hụi số tiền 240.000 đồng và lĩnh hụi được số tiền (20 phần hụi chết: 10.000.000 đồng và 26 phần hụi sống x 260.000 đồng = 6.760.000 đồng), trừ 01 phần hụi chết và 01 phần hụi sống của bị cáo là 760.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 44 phần hụi được số tiền là: 16.760.000 đồng – 760.000 đồng = 16.000.000 đồng. Sau khi có được tiền thì bị cáo không đưa tiền hụi cho bà N1 và đưa thông tin gian dối rằng kỳ hụi này do người khác lĩnh để chiếm đoạt tiền hụi sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy dây hụi này bị cáo tự mạo danh thành viên để lĩnh 07 lần được 308 phần hụi với tổng số tiền chiếm đoạt là 107.360.000 đồng. Khi ngưng hụi ngày 20/3/2023a1 thì còn 25 phần hụi sống (15 thành viên, trong đó có bị cáo 01 phần hụi) gồm: Vợ C2 (Lý Thị B) 02 phần hụi, Mợ 2L (Ngô Thị M1) 01 phần hụi), Dì N9 (Nguyễn Thị N4) 01 phần hụi, K (Nguyễn Thị Hạnh K) 05 phần hụi, Q3 (Tiêu Thị T5) 02 phần hụi, A (Thái Văn H) 01 phần hụi, Cô L1 (Trần Thanh L1) 01 phần hụi, Vợ T11 (Trần Thị Hồng T6) 01 phần hụi, C (Nguyễn Ngọc G) 02 phần hụi, Cô P (Nguyễn Thị P) 02 phần hụi, 8 Sương (Trần Thị X) 02 phần hụi sống do mua hụi vợ H1 01 phần hụi, 2 Văn (Nguyễn Thị N1) 01 phần hụi, Chị K1 (tức là vợ K2, Ngô Thị lệ T3) 02 phần hụi, Chế Chúc (Nguyễn Thị C1) 01 phần hụi và bị cáo (Nguyễn Thị Lệ T chủ hụi) 01 phần hụi.

Tổng cộng 03 dây hụi trên bị cáo Nguyễn Thị Lệ T đã tự ý lấy tên thành viên để lĩnh hụi 15 lần, cụ thể: Dây hụi 1: 90 phần; Dây hụi 2: 130 phần; Dây hụi 3: 308 phần. Tổng cộng 528 phần và chiếm đoạt được tổng số tiền 273.790.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 cuốn tập học sinh nhãn hiệu “T.T Book” có dòng chữ “Argentina” của Nguyễn Thị Lệ T, bên trong ghi nhiều nội dung liên quan đến việc mở hụi của Nguyễn Thị Lệ T. Tại bản kết luận giám định số 226 ngày 02/01/2024, của Phòng K3 Công an tỉnh S kết luận: Chữ viết, chữ số bằng mực màu xanh được ghi trong quyển tập học sinh có nhãn hiệu “T.T Book” có dòng chữ “Argentina”, so với chữ viết, chữ số của bà Nguyễn Thị Lệ T trên các tài liệu mẫu so sánh giám định là do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSKV8 ngày 28/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Lệ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể:

1/ Tại đây hội 1: Hội tháng 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 09/3/2021al (nhằm ngày 20/4/2021dl) có 22 thành viên với 31 phần, trong đó có thành viên Thạch Thị Ngọc Q và bà Trần Lệ T2 (“3 Cân”). Bị cáo đã ý tự lấy tên hội viên lĩnh 03 lần được 90 phần hội, chiếm đoạt của Thạch Thị Ngọc Q tại lần mở hội lần thứ 13 số tiền 22.260.000đồng, tại lần mở hội lần thứ 17 chiếm đoạt 23.550.000 đồng và lấy tên “3 Cân” lĩnh hội tại lần mở hội thứ 18 chiếm đoạt của bà Trần Lệ T2 22.500.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt (03 lần hốt hội, 90 phần hội) là 68.310.000 đồng.

2/ Tại đây hội 2: Hội tháng 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/8/2021al (nhằm ngày 15/9/2021dl) có 20 thành viên với 27 phần, trong đó có thành viên là Nguyễn Văn C (“Chú 3”), Trương Hồng Q1 (“Chế Quyên”) và bà Trần Lệ T2 (“3 Cân”), Thái Văn H (“Anh H”), bà Nguyễn Thị N1 (“2 Văn”). Bị cáo đã ý tự lấy tên hội viên lĩnh 05 lần được 130 phần hội, tại lần mở hội thứ 10 ngày 22/5/2022al chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn C số tiền 19.370.000 đồng; tại lần mở hội thứ 14 ngày 20/9/2022al chiếm đoạt của bà Trương Hồng Q1 số tiền 18.950.000 đồng; tại lần mở hội thứ 16 ngày 20/11/2022al chiếm đoạt của bà Trần Thị T16 số tiền 20.540.000 đồng; tại lần mở hội thứ 18 ngày 20/01/2023al chiếm đoạt của ông Thái Văn H số tiền 19.500.000 đồng; tại lần mở hội thứ 19 ngày 20/02/2023al chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N1 số tiền 19.760.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt (05 lần hốt hội, 130 phần hội) là 98.120.000 đồng.

3/ Dây hội nữa tháng 500.000 đồng mở ngày 01/02/2022al (nhằm ngày 03/3/2022dl) có 25 thành viên với 46 phần, trong đó có thành viên là Nguyễn Thị P (“Cô P”), Nguyễn Ngọc G “Chế Giàu”, Ngô Thị Lệ T3 (“Vợ K2”), Trần Thị X (“8 Sương”), bà Nguyễn Thị N1 (“2 Văn”). Bị cáo đã ý tự lấy tên hội viên lĩnh 07 lần được 308 phần hội: Tại lần mở hội thứ 4 ngày 05/3/2022al chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị P số tiền 13.390.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc G tại lần mở hội thứ 19 ngày 01/11/2022al số tiền 16.120.000 đồng và tại lần mở hội thứ 22 ngày 15/12/2022al số tiền 16.060.000 đồng; chiếm đoạt của bà Ngô Thị Lệ T3 tại lần mở hội thứ 20 ngày 15/11/2022al số tiền 15.560.000 đồng và tại kỳ mở hội thứ 23 ngày 15/11/2022al số tiền 15.250.000 đồng; tại kỳ thứ 25 ngày 01/02/2023al chiếm đoạt của bà Trần Thị X số tiền 14.980.000 đồng; tại kỳ thứ 27 ngày 01/03/2023al chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N1 số tiền 16.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 107.360.000 đồng (07 lần hốt hội, 308 phần hội).

Tổng cộng 03 dây hội trên, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên để hốt hội 15 lần, cụ thể: Dây 1: 90 phần, dây 2: 130 phần và dây 23: 308 phần. Tổng số 528 phần và chiếm đoạt được số tiền 273.790.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị X yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn nợ đến ngày xét xử là 25.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị T5 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn nợ đến ngày xét xử là 45.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N4 yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số 07/CT-VKSKV8 ngày 28/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ và

đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành án kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho Trần Thị X số tiền 25.000.000 đồng; bồi thường cho bà Tiêu Thị T5 số tiền 45.000.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị N4 số tiền 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục cho những bị hại, người liên quan được tổng số tiền 379.800.000 đồng và còn nợ lại các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 139.200.000 đồng. Nhưng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này có đơn tự thỏa thuận với bị cáo và không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án, nên không đặt ra xem xét.

Đối với người liên quan là bà Phan Thị T7 còn nợ của bị cáo 26.000.000 đồng và Dương Thị Mỹ N5 nợ bị cáo 5.000.000 đồng, thì giữa bị cáo và bà T7, bà N5 đã tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án. Ngoài ra thì các hội viên còn lại trong 03 (ba) dây hội thì bị cáo và hội viên không có nợ tiền gì với nhau và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Lệ T: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Bị hại các ông (bà) Thạch Thị Ngọc Q, Trần Lệ T2, Nguyễn Văn C, Trương Hồng Q1, Thái Văn H, Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Thị P, Ngô Thị Lệ T3, Nguyễn Thị N1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Phạm Thị P1, Nguyễn Thị T4, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Hồng N3, Nguyễn Thị M, Trần Thanh L1, Trần Thị Hồng T6, Nguyễn Kim T14, Lý Thị B, Ngô Thị M1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị Diễm M2, Lê Thị P2, Dương Thị Mỹ N5, Phan Thị T7, Nguyễn Thị X1, Lê Bích T8, Giang Phương T9, Nguyễn Thị Lệ T10, Nguyễn Thị Kim N6, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thúy L3 vắng mặt. Xét thấy, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy, tại giai đoạn điều tra các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Lệ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã tổ chức hoạt động chơi hụi và làm chủ hụi để được hưởng tiền hoa hồng. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, trong thời gian mở hụi từ ngày 09/3/2021al (nhằm ngày 20/4/2021dl) đến ngày 20/3/2023al (nhằm ngày 09/5/2023dl) bị cáo làm chủ 03 dây hụi còn hoạt động, lợi dụng những hụi viên không đi khai hụi, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối là mạo danh tên hụi viên trong dây hụi để tự ý hốt hụi và chiếm đoạt tiền của những người mà bị cáo mạo danh, cụ thể như: Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 09/3/2021al có 22 người với 31 phần, khai hụi được 25 lần, bị cáo đã ý tự lấy tên hụi viên để hốt hụi là 03 lần và chiếm đoạt được số tiền 68.310.000 đồng; Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/8/2021al có 20 người với 27 phần, khai được 20 lần, bị cáo đã ý tự lấy tên hụi viên để hốt hụi là 05 lần và chiếm đoạt được số tiền 98.120.000 đồng; Dây hụi 500.000 đồng/nửa tháng mở ngày 01/02/2022al có 25 người với 46 phần, khai được 28 lần, bị cáo đã ý tự lấy tên hụi viên để hốt hụi là 07 lần và chiếm đoạt được số tiền 107.360.000 đồng. Tổng cộng trong 03 dây hụi trên, bị cáo chiếm đoạt số tiền 273.790.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025): Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...; 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;...”

Do đó, Cáo trạng số 07/CT-VKSKV8 ngày 28/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T về “Tội lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Cho nên đối với bị cáo cần phải xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo nhận thức được tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trong quá trình tổ chức 03 dây hui, bị cáo nhiều lần lấy tên của hui viên để bỏ hui nhằm chiếm đoạt số tiền hui viên, mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cho thấy bị cáo có ý thức xem thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền cho các bị hại, được các bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; đã tự thú khai nhận các lần phạm tội trước đó; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có người thân là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ đã được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Xét bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trở lên nên Hội đồng xét xử thống nhất xem xét áp dụng cho bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với bị cáo khung hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục cho những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tổng số tiền 379.800.000 đồng và còn nợ tiền của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 139.200.000 đồng, nhưng các bị hại, người liên quan có đơn tự thỏa thuận với bị cáo và không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án. Riêng đối với bị hại là Trần Thị X yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị T5 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 45.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Trần Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tiêu Thị T5 và bà Nguyễn Thị N4.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T7 còn nợ bị cáo 26.000.000 đồng và bà Dương Thị Mỹ N5 nợ bị cáo 5.000.000 đồng, giữa bị cáo và bà T7, bà N5 đã tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án. Ngoài ra thì các hui viên còn lại trong 03 dây

hội thì bị cáo và hội viên không có nợ tiền gì với nhau và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng: Không có, không đặt ra xem xét.

[9] Đối với ông Nguyễn Thái N là chồng của bị cáo: Trong quá trình điều tra xác định quá trình vợ chồng chung sống với nhau, nhưng bị cáo làm chủ hội và tự ý lấy tên hội viên lĩnh hội để chiếm đoạt tiền như trên thì ông N hoàn toàn không hay biết, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C không đặt ra xem xét, xử lý là có căn cứ.

[10] Đối với bà Lê Thị Cẩm L2 là mẹ ruột của bị cáo: Trong quá trình điều tra vụ án, xác định bà L2 có tham gia chơi hội, bị cáo có sử dụng nhờ nhà của bà L2 để khai hội và nhờ bà L2 gom tiền hội dùm bị cáo. Tuy nhiên, việc bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên lĩnh hội để chiếm đoạt tiền như trên thì bà L2 hoàn toàn không hay biết, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C không đặt ra xem xét, xử lý là có căn cứ.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); khoản 1 Điều 38; b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ T 05 (năm) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị X số tiền 25.000.000 đồng; bồi thường cho bà Tiêu Thị T5 số tiền 45.000.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị N4 5.000.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc bà Trần Thị X, bà Tiêu Thị T5 và bà Nguyễn Thị N4 có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Nguyễn Thị Lệ T chậm trả số tiền nêu trên cho bà Trần Thị X, bà Tiêu Thị T5, bà Nguyễn Thị N4 thì bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về xử lý vật chứng: Không có, không đặt ra xem xét.

- Về án sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

Bị cáo; các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TP Cần Thơ;
- VKSNDKV8- Cần Thơ;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Phòng THADSKV8 – Cần Thơ
- Sở Tư pháp. TP Cần Thơ;
- Hỗ trợ tư pháp CATP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ